

Bản án số: 63/2020/HSPT

Ngày 06/7/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Yên

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Mạnh Cường và bà Nguyễn Thị Thu Hoài

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
ông Phạm Văn Vững - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 71/2020/TLPT-HS ngày 03 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo Nguyễn Đức Đ, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 22/2020/HSST ngày 28/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hải Dương.

*** Bị cáo kháng cáo:**

Nguyễn Đức Đ, sinh năm 1960; Nơi ĐKKTT và chỗ ở: Thôn A, xã G, huyện K, tỉnh Hải Dương; Trình độ văn hoá: 01/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Đức R và bà Phùng Thị L (đều đã chết), có vợ là Vũ Thị E và 04 con, con lớn sinh năm 1985, con nhỏ sinh năm 1994; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại; có mặt.

- Bị hại: Hội nông dân thôn A, xã G, huyện K, tỉnh Hải Dương; Đại diện là ông Phùng Văn P - Chi hội trưởng; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Phùng Văn P, sinh năm 1963.

+ Ông Đồng Văn C, sinh năm 1964.

Đều trú tại: Thôn A, xã G, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Ông P có mặt, ông C vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Ông Phùng Văn T, sinh năm 1962.

2. Bà Vũ Thị H, sinh năm 1965.

Đều trú tại: thôn A, xã G, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Ông Thuỷ, bà H đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hội nông dân thôn A, xã G gồm có 5 xóm, mỗi xóm bầu một tổ trưởng, Hội có đóng tiền hội phí và quỹ tình nghĩa đã được thống nhất, đối với tổ nào do tổ trưởng xóm đó thu, ai có nhu cầu vay quỹ thì Hội sẽ cho vay và người vay phải trả lãi theo thỏa thuận. Năm 2015, Nguyễn Đức Đ được bầu làm tổ trưởng Hội nông dân xóm 1, thôn A và được phân công thu tiền quỹ tình nghĩa, tiền hội phí. Cuối năm 2015, Nguyễn Đức Đ thu được của 95 hội viên, mỗi người 100.000 đồng, tổng cộng được 9.500.000 đồng và 1.000.000 đồng tiền quỹ trước đó đã cho ông Đồng Văn C vay. Tổng cộng quỹ tình nghĩa xóm 1 thôn A có 10.500.000 đồng. Hội nông dân thôn A thống nhất Đ sẽ cầm và trả lại cho 08 hội viên mỗi người 50.000 đồng là 400.000 đồng, còn lại 10.100.000 đồng. Ngày 01/01/2016, Hội nông dân thôn A cho Nguyễn Đức Đ vay số tiền 10.100.000 đồng, lãi suất 1%/năm, thời hạn vay là 12 tháng (bao gồm cả số tiền 1.000.000 đồng cho ông Đồng Văn C vay trước đó, Đ có quyền và trách nhiệm thu tiền nợ gốc và tiền lãi), có giấy nhận nợ do Đ ký.

Năm 2017, Đ thu hội phí của các hội viên xóm 1 được tổng số tiền 1.188.000 đồng và phải nộp về Hội nông dân thôn số tiền 990.000 đồng, còn lại 198.000 đồng là tiền công của Đ, ngoài ra Đ còn phải nộp tiền lãi của quỹ tình nghĩa do đã vay là 912.000 đồng.

Ngày 20/12/2017, Đ sang nhà ông Phùng Văn P là Chi hội trưởng Hội nông dân thôn A, xã G đưa cho ông P số tiền 2.000.000 đồng gồm: Tiền lãi của quỹ tình nghĩa 912.000 đồng; tiền hội phí 990.000 đồng và 100.000 đồng trả lại tiền gốc của một hội viên chết, để nhờ ông L đưa cho ông Trương Đức S là Chi hội phó Hội nông dân thôn A nộp vào quỹ hội. Khi giao tiền, Đ có viết giấy nhận tiền, nội dung: *“Hôm lai là ngày 20 tháng 12 năm 2017, tôi là Nguyễn Đức Đ đã đóng tiền cho anh Phùng Văn L với số tiền là 2000,000 đồng, Bằng chữ là hai triệu đồng chẵn tiền của hội nông dân xóm một, người giao tiền ký tên Nguyễn Đức Đ”*. Mục người nhận tiền, ông L có viết “ngày 20-12-2017, tôi đã nhận tiền của ông Đ số tiền 2.000.000 (Hai triệu đồng chẵn) và ký, ghi rõ họ tên Phùng văn L” vào sổ của Đ, sổ này do Đ quản lý. Sau khi nhận tiền từ Đ, ngày 22/12/2017, ông L đã nộp số tiền trên cho ông S. Sau khi có giấy biên nhận, Đ đã tự mình viết thêm số “1” vào trước số “2000,000” và chữ “mười” vào trước chữ “Hai” tại dòng chữ do Đ viết ra và viết thêm số “1” vào trước số 2000,000, chữ “mườ” và Đ tẩy xóa một phần dấu “(”, thành chữ “i” tại dòng chữ do ông L viết trong nội dung tờ giấy biên nhận tiền ngày 20/12/2017, thành nội dung như sau: *“Hôm lai là ngày 20 tháng 12 năm 2017, tôi là Nguyễn Đức Đ đã đóng tiền cho anh Phùng Văn L với số tiền là 12000,000 đồng Bằng chữ là mười hai triệu*

đồng chẵn tiền của hội nông dân xóm một”, người giao tiền ký tên Nguyễn Đức Đ”, mục người nhận tiền ký tên thành nội dung: “*ngày 20-12-2017, tôi đã nhận tiền của ông Đ số tiền 12000,000 (mười Hai triệu đồng chẵn) và ký, nghi rõ họ tên Phùng Văn L*” để chiếm đoạt của quỹ Hội nông dân thôn A 10.000.000 đồng. Đến ngày 29/12/2018, ông Trương Đức S và bà Phạm Thị D ở thôn A, xã G đến nhà Đ để thu tiền gốc Đ vay của Hội nông dân xóm 1, Đ xác định đã trả toàn bộ số tiền gốc và lãi là 12.000.000 đồng cho Hội nông dân thôn A và đưa cho bà D 01 bản photo giấy biên nhận tiền lập ngày 20/12/2017 thể hiện việc Đ đã trả số tiền 12.000.000 đồng cho ông L và không đồng ý trả lại số tiền 10.000.000 đồng.

Ông L xác định không nhận số tiền 12.000.000 đồng của Đ mà chỉ nhận 2.000.000 đồng do Đ đưa cho vào ngày 20/12/2017, ông L xác định một số nội dung ghi trong giấy biên nhận có sự sửa chữa, nên đã có đơn trình báo Công an xã G và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K.

Tại kết luận giám định số 3931 ngày 30/8/2019, Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận:

+ Số “1” ở hàng chục triệu và từ “mười” trong giấy biên nhận 20/12/2017 so với chữ viết của Nguyễn Đức Đ do cùng một người viết ra và được viết thêm và khác loại với mực của các chữ do ông L viết.

+ Chữ ký, chữ viết dưới mục Người nhận nợ ngày 01/01/2016 so với chữ viết, chữ ký của Nguyễn Đức Đ do cùng một người ký, viết ra.

Tại bản kết luận giám định bổ sung số 7592 ngày 31/12/2019, Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: chữ “i” trong từ “mười” (dòng thứ 9 từ trên xuống) trong giấy nhận tiền ngày 20/12/2019 là chữ được tạo thành do tẩy xóa, sửa chữa từ dấu “(” nguyên thủy.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2020/HS-ST ngày 28/4/2020, Tòa án nhân dân huyện K đã căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 175; điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đức Đ phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”; Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức Đ 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án; Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS, khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 585; Điều 587, Điều 589; Điều 357, Điều 468 BLDS; Buộc bị cáo Nguyễn Đức Đ phải hoàn trả cho ông Phùng Văn L số tiền 9.000.000 đồng. Ngoài ra, bản án còn tuyên về lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/5/2020, bị cáo Nguyễn Đức Đ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Đức Đ giữ nguyên nội dung kháng cáo, xác định cấp sơ thẩm xét xử đúng với hành vi bị cáo đã thực hiện. Đề nghị xem xét điều kiện

hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bản thân sức khỏe yếu, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã tự nguyện bồi thường số tiền 9.650.000đ. Đề nghị Hội đồng xét xử (viết tắt HĐXX) giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo.

Đại diện bị hại đề nghị xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) tỉnh tham gia phiên tòa sau khi phân tích các tình tiết trong vụ án xác định cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Đức Đ về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ mới thành khẩn khai báo, tự nguyện bồi thường theo điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Tuy nhiên mức hình phạt tại bản án sơ thẩm là phù hợp, nên đề nghị HĐXX căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đ, giữ nguyên hình phạt tại bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Bị cáo Nguyễn Đức Đ kháng cáo trong thời hạn luật định nên là kháng cáo hợp lệ.

[2]. Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức Đ:

Tại phiên tòa, bị cáo trình bày lời khai phù hợp với lời khai của bị cáo tại cấp sơ thẩm, lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác, nên có đủ căn cứ kết luận: Năm 2015, Nguyễn Đức Đ được bầu làm tổ trưởng hội nông dân xóm 1, thôn A, xã G, được giao trách nhiệm thu quỹ tình nghĩa và hội phí hàng năm của hội viên hội nông dân xóm 1 nộp về Hội nông dân thôn A để hoạt động phục vụ công việc chung của hội. Sau khi thu được tiền, ngày 01/01/2016, đại diện Hội nông dân thôn A cho Nguyễn Đức Đ vay chính số tiền mà Đ đã thu được 10.100.000 đồng (trong đó có cả số tiền 01 triệu đồng đã cho ông Đồng Văn C vay và Đ có quyền và trách nhiệm thu) với mức lãi suất 1%/tháng, phải trả lãi hàng năm. Đến thời điểm cuối năm 2017, Nguyễn Đức Đ phải có nghĩa vụ hoàn trả cả gốc và lãi tiền quỹ hội đã vay và tiền thu hội phí năm 2017 về cho Hội nông dân thôn A là 12.002.000 đồng gồm: 10.100.000 đồng tiền nợ gốc vay ngày 01/01/2016 (trong đó có 1.000.000 đồng cho ông Đồng Văn C vay mà Đ có quyền, trách nhiệm thu), tiền thu hội phí năm 2017 là 990.000 đồng, tiền lãi quỹ tình nghĩa 912.000 đồng. Ngày 20/12/2017 Nguyễn Đức Đ đã đưa cho ông Phùng Văn L - Hội trưởng hội nông dân thôn A số tiền 2.000.000 đồng để nhờ ông L nộp vào quỹ hội, khi giao tiền Đ và ông L cùng viết và ký giấy nhận tiền. Sau đó Nguyễn Đức Đ đã viết thêm và sửa chữa giấy biên nhận thành 12.000.000 đồng để chiếm đoạt số tiền 10.000.000 đồng. Vì vậy bị cáo Nguyễn Đức Đ bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo điểm a khoản 1 Điều 175 BLHS là đúng người, đúng tội,

đúng pháp luật. Về tội danh bị cáo không kháng cáo và Viện kiểm sát nhân dân không kháng nghị.

Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo thì thấy: Cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ: bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo điểm i khoản 1 Điều 51 của BLHS. Tại cấp phúc thẩm bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ mới thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, tự nguyện nộp tại thi hành án số tiền đã chiếm đoạt theo điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Tuy nhiên, căn cứ tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng : Bị cáo là nhóm trưởng, lợi dụng vay quỹ tình nghĩa, dùng thủ đoạn gian dối, sửa giấy biên nhận để chiếm đoạt 10.000.000đ quỹ tình nghĩa do các hội viên đóng góp. Hành vi của bị cáo có tính dự mưu từ trước, không chỉ xâm phạm quan hệ sở hữu tài sản, mà còn ảnh hưởng đến lòng tin, sự tín nhiệm của nhân dân đối với các cán bộ trong nhóm, trong thôn do nhân dân bầu. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo, mà chỉ xem xét giảm một phần hình phạt cho bị cáo mới đủ tác dụng giáo dục riêng bị cáo, đấu tranh phòng ngừa chung trong xã hội và đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật.

[3]. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, HĐXX không xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

[4]. Về án phí: Kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức Đ được chấp nhận một phần nên bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm hình sự theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án lệ phí.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức Đ, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 22/2020/HSST ngày 28/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hải Dương về phần hình phạt của bị cáo Đ.

2. Điều luật áp dụng và hình phạt: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức Đ **06 (sáu)** tháng tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

3. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Đức Đ không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (Ngày 06/7/2020).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh HD;
- Phòng HSNV-CA tỉnh HD;
- TAND huyện K;
- CQCSĐT, CQTHAHS-CA huyện K;
- VKSND huyện K
- Chi cục THADS huyện K;
- Bị cáo;
- Bị hạ;
- Lưu tòa; lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Vũ Thị Yên